

THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 07 ngày

(Từ ngày 22 đến ngày 28 tháng 6 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

- Nhiệt độ: Trung bình 27-29°C; cao: 31-33°C; thấp 25-26°C.

- Độ ẩm: 75-82%.

Nhận xét: Các ngày trong kỳ có mưa và dông vào chiều tối và đêm, ngày nắng nóng, riêng 2 ngày giữa kỳ ngày nắng, mưa rào xen kẽ.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Cây lúa		
- Mạ mùa	Mới gieo-1,5-2,5 lá-xúc cây	739
- Lúa mùa sớm và chính vụ	Mới cấy-bén rễ-hồi xanh	6.826,5
Ngô Hè thu	Mới gieo-1-2 lá	572,3
Cây lạc	Thu hoạch	3.220,3
Cây cam	Phát triển quả	8.647,1
Cây bưởi	Phát triển quả	5.200,4
Cây nhãn	Phát triển quả	926,2
Cây chuối	Ra hoa-quả xanh-thu hoạch	2.173,42
Cây chè	Ra búp	8.467,5
Cây mía	Đẻ nhánh-vuron lóng	2.208
Cây keo	Rừng trồng (1-5 tuổi)	147.888,5
Cây bạch đàn	Rừng trồng (1-5 tuổi)	6.932,9

I. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI 7 NGÀY QUA

1. Cây lúa:

1.1. Mạ mùa (mới gieo -1,5 -2,5 lá-xúc cây)

- Tập đoàn rầy, ruồi gây hại rải rác, mật độ nơi cao 8-10 con/m².

- Châu chấu gây hại rải rác, mật độ nơi cao 2-4 con/m².

- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại mật độ nơi cao 3-5 con/m².

- Ốc brou vàng gây hại rải rác.
- Bệnh nấm mốc, thối nhũn gây hại rải rác.

1.2. Lúa mùa trà sớm và chính vụ (mới cấy-bén rễ-hồi xanh)

- Tập đoàn rầy gây hại rải rác, mật độ nơi cao 7-10 con/m².
- Ốc brou vàng gây hại tỷ lệ hại nơi cao 3-5 con/m², cục bộ 4-8 con/m².

Diện tích nhiễm 53 ha tại huyện Lâm Bình, Yên Sơn, Sơn Dương, Lâm Bình.

- Trùng ốc brou vàng rải rác, nơi cao 1-2 ổ/m².
- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác, mật độ nơi cao 1-2 con/m².

2. Ngô Hè thu (mới gieo-1-2 lá)

- Sâu mùa thu gây hại rải rác, nơi cao 2-3 con/m².
- Sâu xám gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/m².

3. Cây cam (phát triển quả)

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 4-6% số lá, quả; cục bộ 10-12% số lá, quả, cấp 1-2. Diện tích nhiễm 18,5 ha tại huyện Hàm Yên.

- Rệp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số lá.
- Bệnh ghẻ sọc gây hại lá, quả, tỷ lệ hại phổ biến 2-3%, nơi cao 5-8% số lá, quả cấp 1-3-5. Diện tích nhiễm 6,5 ha tại huyện Hàm Yên.

- Bệnh greening gây hại, nơi cao 3-5% số cây.

- Bệnh vàng lá thối rễ gây hại, nơi cao 4-6% số cây.

- Bệnh thán thư, khô cành, bệnh xì mũ gây hại rải rác.

4. Cây bưởi (phát triển quả)

- Bọ trĩ gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-6% số quả non.

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại, tỷ lệ hại phổ biến 2-4%, nơi cao 7-9% số lá, quả, cấp 1-2.

- Rệp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số lá.

- Ruồi đục quả gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 1-2% số quả.

- Bệnh sọc, bệnh loét gây hại, tỷ lệ hại nơi cao 4-5% số lá.

- Bệnh vàng lá, thối rễ; greening, bệnh xì mũ gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số lá, số cây.

5. Cây nhãn (phát triển quả)

- Bọ xít nâu gây hại rải rác, mật độ nơi cao 3-4 con/cành.

- Nhện lông nhung gây hại rải rác.

- Bệnh thán thư, bệnh sương mai gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số lá.

- Bệnh chổi rồng gây hại rải rác.

6. Cây chuối (ra hoa-quả xanh-thu hoạch)

- Sâu đục thân (bọ vòi voi) gây hại rải rác.

- Bệnh chùn ngọn gây hại rải rác.

- Bệnh đốm lá tiếp tục gây hại, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số lá, cục bộ 7-8% số lá.

- Bệnh héo rũ panama tiếp tục gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số cây.

7. Cây chè (ra búp)

- Rầy xanh gây hại, tỷ lệ phổ biến 2-3% số búp, nơi cao 8-10% số búp, cục bộ 10-15% số búp. Diện tích nhiễm 47,5 ha tại huyện Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên.

- Bộ cánh tơ gây hại rải rác, nơi cao 3-4% số búp, cục bộ 8-10% số búp.
Diện tích nhiễm 8,5 ha tại huyện Hàm Yên.

- Bộ xít muỗi gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-6% số búp, cục bộ 8-12% số búp. Diện tích nhiễm 14 ha tại huyện Sơn Dương.

- Nhện đỏ gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-6% số búp.

- Bệnh thối búp gây hại rải rác, nơi cao 2-4% số lá, số búp.

8. Cây mía (*để nhánh-vươn lóng*)

- Bộ hung gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/hố.

- Sâu đục thân gây hại rải rác, nơi cao 3-4% số cây.

- Bệnh than đen gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 0,5-1% số cây.

- Rệp bông xơ gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số lá.

9. Cây keo (*rừng trồng 1-5 tuổi*)

- Sâu nâu ăn lá gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số lá.

- Bệnh thán thư gây hại rải rác, nơi cao 2-4% số lá.

- Bệnh chết héo gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 6-8% số cây.

10. Cây bạch đàn (*rừng trồng 1-5 tuổi*)

- Sâu ăn lá tiếp tục gây hại rải rác.

- Bệnh đốm lá, khô ngọn tiếp tục gây hại tỷ lệ hại phổ biến 2-4% số cây, nơi cao 6-7% số cây.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Cây lúa

1.1. Mùa mùa (*mới gieo-2,5 lá-xúc cấy*)

- Tập đoàn rầy, ruồi gây hại rải rác, mật độ nơi cao 1-3 con/m².

- Sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ gây hại mật độ nơi cao 2-3 con/m².

- Ốc bươu vàng gây hại rải rác.

- Bệnh nấm mốc, thối nhũn gây hại rải rác.

1.2. Lúa mùa trà sớm và chính vụ (*mới cấy-bén rễ-hồi xanh*)

- Tập đoàn rầy gây hại rải rác, mật độ nơi cao 5-10 con/m².

- Ốc bươu vàng gây hại tỷ lệ hại nơi cao 3-4 con/m²; cục bộ 6-8con/m².

- Trứng ốc bươu vàng rải rác, nơi cao 1-2 ổ/m².

- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác, mật độ nơi cao 1-2 con/m².

- Bệnh nghệt rễ gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 5-8% số danh.

2. Ngô hè thu (*mới trồng-mọc mầm-2-3 lá*)

- Sâu keo mùa thu gây hại rải rác, mật độ nơi cao 3-4 con/m².

- Sâu xám gây hại rải rác, mật độ nơi cao 1-2 con/m².

3. Cây cam (*phát triển quả*)

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 8-10% số lá, quả. Cục bộ 15-20% số lá, quả.

- Rệp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-5% số lá,

- Ruồi đục quả gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 1-3% số quả.

- Bệnh ghẻ sọc, bệnh loét gây hại, tỷ lệ hại nơi cao 5-6% số lá, quả. Cục bộ 8-10% số lá, quả.

- Bệnh greening, vàng lá thối rữa gây hại, nơi cao 4-6% số cây.
- Bệnh thán thư khô cành, bệnh xì mũ gây hại rải rác.

4. Cây bưởi (*phát triển quả*)

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại, tỷ lệ hại phổ biến 3-5%, nơi cao 8-10% số lá, số quả.

- Bọ trĩ gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-6% số lá, quả non.
- Rệp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 4-7% số lá non.
- Bệnh ghẻ sọc, bệnh loét gây hại, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số lá.
- Bệnh greening, vàng lá thối rữa gây hại, nơi cao 4-6% số cây.
- Bệnh xì mũ gây hại rải rác.

5. Cây nhãn (*phát triển quả*)

- Bọ xít nâu gây hại rải rác, nơi cao 2-3 con/cành.
- Nhện lông nhung gây hại rải rác.
- Bệnh thán thư, bệnh sương mai gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 5-7% số lá.
- Bệnh chổi rồng gây hại rải rác.

6. Cây chuối (*ra hoa-quả xanh-thu hoạch*)

- Sâu đục thân (bọ vòi voi) gây hại rải rác, mật độ nơi cao 3-4% số cây.
- Bệnh chùn ngọn gây hại rải rác, mật độ nơi cao 3-5% số cây.
- Bệnh đốm lá tiếp tục gây hại cục bộ, tỷ lệ hại phổ biến 3-5%, nơi cao 6-7% số lá.
- Bệnh héo rũ panama gây hại cục bộ, tỷ lệ hại phổ biến 2-4%, nơi cao 6-8% số cây.

7. Cây chè (*ra búp*)

- Rầy xanh gây hại, tỷ lệ phổ biến 2-3% số búp, nơi cao 8-9% số búp
- Bọ cánh tơ gây hại rải rác, nơi cao 3-6% số búp, cục bộ 8-10% số búp.
- Bọ xít muỗi, nhện đỏ gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 6-7% số búp.
- Bệnh thối búp gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số lá.

8. Cây mía (*vươn lóng*)

- Bọ hung gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/hố.
- Sâu đục thân gây hại rải rác, nơi cao 3-5% số cây.
- Bệnh than đen gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-3% số cây.

9. Cây keo (*rừng trồng 1-5 tuổi*)

- Bệnh chết héo gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 5-7% số cây, cục bộ 8-10% số cây.

10. Cây bạch đàn (*rừng trồng 1-5 tuổi*)

- Sâu ăn lá tiếp tục gây hại rải rác.
- Bệnh đốm lá, khô ngọn tiếp tục gây hại tỷ lệ hại phổ biến 3-4%, nơi cao 6-8% số cây.

IV. ĐỀ NGHỊ

Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Phòng Kinh tế thành phố và Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp, Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố chỉ đạo cán bộ phụ trách địa bàn:

- Tiếp tục chỉ đạo cán bộ đơn đốc nhân dân đẩy nhanh tiến độ làm đất khẩn trương gieo cấy lúa mùa và cây trồng khác trong khung thời vụ tốt nhất.

- Bám sát cơ sở, chủ động phối hợp với cán bộ chuyên môn của các xã, phường, thị trấn thường xuyên kiểm tra đồng ruộng và trên vườn, trên rừng, kịp thời phát hiện các đối tượng sâu, bệnh hại trên các loại cây trồng.

- Cần lưu ý một số đối tượng sinh vật hại cây trồng và chú trọng điều tra, hướng dẫn nhân dân biện pháp phòng, chống kịp thời. Cụ thể:

+ Tập đoàn rầy, sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, ốc bươu vàng, bệnh nghệt rễ, bệnh nấm mốc, thối nhũn, ... gây hại trên mạ, lúa mới cấy.

+ Nhóm nhện nhỏ, ruồi đục quả, bệnh sẹo, greening... trên cây cam, bưởi.

+ Bệnh đốm lá, héo rũ trên cây chuối.

+ Rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi, nhện đỏ trên cây chè.

+ Bệnh chết héo trên cây keo.

+ Bệnh đốm lá, khô ngọn trên cây bạch đàn.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Tuyên Quang trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- | | |
|--|---------|
| <ul style="list-style-type: none"> - Cục BVTV; - TT BVTV phía Bắc; - Cục Thống kê; - Sở Nông nghiệp và PTNT; - Chi cục trưởng; - Trung tâm Khuyến nông; - Phòng NN và PTNT huyện; - Phòng Kinh tế thành phố; - Trung tâm Dịch vụ NN huyện, TP; - Trang thông tin điện tử Sở; - Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố; - Các phòng nghiệp vụ; - Lưu: VT, KT (Thu). | Báo cáo |
|--|---------|

P/h thực hiện

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Tú

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
Trong tuần 26 năm 2023

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Nhóm cây: Cây ăn quả													
Cây có múi	Nhện nhỏ	Quả phát triển	5	20	14	4.5	0	18.5	0	2.5	-23.0	18.5	Hàm Yên
	Bệnh sọc	Quả phát triển	5	10	6.5	0	0	6.5	0	2.0	-11.5	6.5	Hàm Yên
Nhóm cây: Cây CN lâu năm													
Chè	Rầy xanh	Búp non-thu hái	5 - 6	9 - 15	45.5	2	0	47.5	0	10.5	18	42.5	Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên
	Bọ xít muỗi	Búp non-thu hái	6	15	10	4	0	14	0	14.0	14.0	14	Sơn Dương
	Bọ cánh tơ (bọ trĩ)	Búp non-thu hái	5	15	6.5	2	0	8.5	0	38.0	69.5	8.5	Hàm Yên
Nhóm cây: Lương thực													
Lúa	Ốc bươu vàng	Mới cấy-bén rễ-hồi xanh-lúa mới cấy-bén rễ hồi xanh-	1.5 - 4	4 - 8	40	13	0	53	0	38.0	3.0	53	Yên Sơn, Sơn Dương, Lâm Bình

